ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN IA H'DRAI

780/BC-UBND 29/11/2023 19:33:17

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ THANH TOÁN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023 CÁC DỰ ÁN DO HUYỆN QUẢN LÝ

Đến hết ngày 20/11/2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân huyện Ia H'Drai)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			
				Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp			Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp	Vốn đầu tư	Vốn sự nghiệp		
VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGUỒN NSNN			**249.852**	**68.257**	**12.251**	**121.367**	**47.978**	**140.212**	**64.169**	**4.727**	**60.703**	**10.613**	**56,12**	**216.229**	**68.257**	**6.113**	**121.367**	**20.492**	**86,54**	
a	**Giải ngân tại kho bạc tỉnh**		**28.500**	**-**	**-**	**28.500**	**-**	**8.238**	**-**	**-**	**8.238**	**-**	**28,91**	**28.500**	**-**	**-**	**28.500**	**-**	**100,00**	
a1	**Nguồn cân đối NSĐP theo tiêu chí, định mức quy định tại QĐ 26/2020/QĐ-TTg**		**28.500**	**-**	**-**	**28.500**	**-**	**8.238**	**-**	**-**	**8.238**	**-**	**28,91**	**28.500**	**-**	**-**	**28.500**	**-**	**100,00**	
1	Đường giao thông từ cầu Drai đến đường Tuần tra biên giới tại khu vực Hồ Le (Đoạn Km7+316,41 - Km12+482,07)	BQL ĐT&XD huyện	28.500	-		28.500		8.238			8.238		28,91	28.500	-		28.500		100,00	
b	**Giải ngân tại kho bạc huyện**		**221.352**	**68.257**	**12.251**	**92.867**	**47.978**	**131.974**	**64.169**	**4.727**	**52.465**	**10.613**	**59,62**	**187.729**	**68.257**	**6.113**	**92.867**	**20.492**	**84,81**	
b.1	**Nguồn phân cấp cân đối theo tiêu chí quy định tại Nghị quyết số 63/2020/NQ-HĐND tỉnh**		**6.104**	**178**	**-**	**5.926**	**-**	**5.750**	**178**	**-**	**5.572**	**-**	**94,20**	**6.104**	**178**	**-**	**5.926**	**-**	**100,00**	
1	Đường ĐĐT27 (N40-N53)	BQL ĐT&XD huyện	2.737	-		2.737		2.737			2.737		100,00	2.737	-		2.737		100,00	
2	Đường ĐĐT30 (N52-N54)	BQL ĐT&XD huyện	777	178		599		777	178		599		100,00	777	178		599		100,00	
3	Đường ĐĐT31 (N57-N54)	BQL ĐT&XD huyện	404	-		404		50			50		12,38	404	-		404		100,00	
4	Đường ĐĐT32 (N55-N58)	BQL ĐT&XD huyện	2.186	-		2.186		2.186			2.186		100,00	2.186	-		2.186		100,00	
b.2	**Nguồn đầu tư các công trình cấp bách khác**		**21**	**21**	**-**	**-**	**-**	**21**	**21**	**-**	**-**	**-**	**100,00**	**21**	**21**	**-**	**-**	**-**	**100,00**	
1	Trường Tiểu học - THCS Nguyễn Du, xã Ia Dom huyện Ia H'Drai (*Phòng học, phòng bộ môn, thư viện, thiết bị*)	BQL ĐT&XD huyện	21	21				21	21				100,00	21	21				100,00	
b.3	**Phân cấp hỗ trợ xây dựng nông thôn mới (*Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT*)**		**2.630**	**-**	**-**	**2.630**	**-**	**2.630**	**-**	**-**	**2.630**	**-**	**100,00**	**2.630**	**-**	**-**	**2.630**	**-**	**100,00**	
1	Trường Mầm non Măng Non xã Ia Đal. Hạng mục: Nhà học 04 phòng và các hạng mục phụ trợ khác	BQL ĐT&XD huyện	2.630			2.630		2.630			2.630		100,00	2.630			2.630		100,00	
b.4	**Phân cấp đầu tư từ nguồn thu XSKT (*Ưu tiên đầu tư các công trình GD-ĐT thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới*)**		**2.600**	**-**	**-**	**2.600**	**-**	**870**	**-**	**-**	**870**	**-**	**33,46**	**2.600**	**-**	**-**	**2.600**	**-**	**100,00**	
1	Đường ĐĐT31 (N57-N54)	BQL ĐT&XD huyện	860	-		860		-					-	860	-		860		100,00	
2	Trường Mầm non Măng Non xã Ia Đal. Hạng mục: Nhà học 04 phòng và các hạng mục phụ trợ khác	BQL ĐT&XD huyện	560			560		102			102		18,21	560			560		100,00	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			
3	Trường TH-THCS Hùng Vương (Điểm trường trung tâm). Hạng mục: Nhà ở bán trú và các hạng mục phụ trợ khác	BQL ĐT&XD huyện	1.180			1.180		768			768		65,08	1.180			1.180		100,00	
b.5	**Nguồn thu tiền sử dụng đất**		**3.852**	**1.410**	**-**	**2.442**	**-**	**3.019**	**1.396**	**-**	**1.623**	**-**	**78,36**	**3.852**	**1.410**	**-**	**2.442**	**-**	**100,00**	
1	Đường ĐĐT31 (N57-N54)	BQL ĐT&XD huyện	1.458			1.458		1.458			1.458		99,97	1.458			1.458		100,00	
2	Dự án khai thác quỹ đất để phát triển kết cấu hạ tầng, bố trí dân cư dọc hai bên Quốc lộ14C (*Đoạn điểm dân cư số 41 -Trung tâm hành chính xã Ia Tơi*)	BQL ĐT&XD huyện	297	190		106		190	190				64,19	297	190		106		100,00	
3	Trường mầm non Tuổi Ngọc (Phòng học, phòng chức năng, bếp ăn, nhà công vụ)	BQL ĐT&XD huyện	80	80				80	80				100,00	80	80				100,00	
4	Trường mầm non Hoa Mai (Phòng học, bếp ăn và hạng mục phụ trợ khác)	BQL ĐT&XD huyện	54	54				54	54				100,00	54	54				100,00	
5	Trường mầm non Măng Non (Bếp ăn, nhà công vụ)	BQL ĐT&XD huyện	64	64				64	64				100,00	64	64				100,00	
6	Bãi rác tập trung (hạng mục : Đường và các công trình phụ trợ)	BQL ĐT&XD huyện	7	7				7	7				100,00	7	7				100,00	
7	Sửa chữa trụ sở Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện Ia H'Drai	BQL ĐT&XD huyện	50	50				50	50				100,00	50	50				100,00	
8	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch lịch và Truyền thông	BQL ĐT&XD huyện	6	6				6	6				100,00	6	6				100,00	
9	dự án Hỗ trợ trồng rừng sản xuất tập trung trên địa bàn xã Ia Đal năm 2022	UBND xã Ia Đal	13	13				-					-	13	13				100,00	
10	Trồng cây phân tán trên địa bàn huyện Ia H'Drai	Phòng NN&PTNN	2			2		-						2			2		100,00	
11	Sửa chữa trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ia H'Drai	BQL ĐT&XD huyện	4	4				4	4				100,00	4	4				100,00	
10	**Đối ứng các chương trình MTQG**		**1.818**	**941**	**-**	**876**	**-**	**1.106**	**941**	**-**	**165**	**-**	**60,85**	**1.818**	**941**	**-**	**876**	**-**	**100,00**	
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 7 mở rộng thôn 3	UBND xã Ia Đal	42	9		32		42	9		32		100,00	42	9		32		100,00	Đối ứng CTMTQG DTMN
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 7	UBND xã Ia Đal	46	14		32		46	14		32		100,00	46	14		32		100,00	Đối ứng CTMTQG DTMN
-	Đường giao thông nông thôn thôn 6 (*sau sân vận động thôn 6*)	UBND xã Ia Đal	23			23		23			23		100,00	23			23		100,00	Đối ứng CTMTQG DTMN

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			
-	Đường giao thông nông thôn thôn Ia Đal (*điểm dân cư số 10 mở rộng*)	UBND xã Ia Đal	23			23		17			17		74,16	23			23		100,00	Đối ứng CTMTQG DTMN
-	Đường giao thông nông thôn thôn Chư Hem (*điểm dân cư mới công ty cổ phần cao su Sa Thầy*)	UBND xã Ia Đal	60			60		60			60		100,00	60			60		100,00	Đối ứng CTMTQG DTMN
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*xây dựng mới và cải tạo nhà văn hóa, khu thể thao*)	UBND xã Ia Đal	4			4		-					-	4			4		100,00	Đối ứng CTMTQG DTMN
-	Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	512	512				512	512		-		100,00	512	512				100,00	Đối ứng CTMTQG XDNTM
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	30	30				30	30		-		100,00	30	30				100,00	Đối ứng CTMTQG DTMN
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	65	65				65	65		-		100,00	65	65				100,00	Đối ứng CTMTQG DTMN
-	Đường giao thông nông thôn Làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom (*Giai đoạn 1*)	UBND xã Ia Dom	68	68				68	68				100,00	68	68				100,00	Đối ứng CTMTQG DTMN
-	Điểm trường mầm non tại điểm dân cư số 4 (*thôn 3, xã Ia Dom*)	UBND xã Ia Dom	36	36				36	36				99,58	36	36				100,00	Đối ứng CTMTQG DTMN
-	Đường GTNT số 1 thôn 2, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	56	56				56	56				100,00	56	56				100,00	Đối ứng CTMTQG XDNTM
-	Đường vào nghĩa trang thôn 1 xã Ia Dom	UBND Xã Ia Dom	151	151				151	151				100,00	151	151				100,00	Đối ứng CTMTQG Giảm nghèo
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 6 thôn 3	UBND xã Ia Đal	32			32		-					-	32			32		100,00	
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 6	UBND xã Ia Đal	30			30		-					-	30			30		100,00	
-	Chợ trung tâm xã Ia Đal	Ban QLĐT&XD	480			480		-					-	480			480		100,00	
-	Đường GTNT làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	64			64		-					-	64			64		100,00	
-	Đường vào khu sản xuất số 1 thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	96			96		-					-	96			96		100,00	
b.6	**Nguồn tăng thu ngân sách cấp huyện năm 2022**		**5.488**	**-**	**-**	**5.488**	**-**	**5.136**	**-**	**-**	**5.136**	**-**	**93,58**	**5.488**	**-**	**-**	**5.488**	**-**	**100,00**	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Trong đó: Kế hoạch giao trong năm 2023		Tổng số	Trong đó: Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Trong đó: Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Trong đó: Kế hoạch giao trong năm 2023			
1	Đường ĐĐT31 (N57-N54)	BQL ĐT&XD huyện	2.626			2.626		2.300			2.300		87,58	2.626			2.626		100,00	
2	Đầu tư đường ống cấp III trung tâm huyện Ia H'Drai	BQL ĐT&XD huyện	2.862			2.862		2.836			2.836		99,08	2.862			2.862		100,00	
b.7	**Nguồn kết dư ngân sách huyện năm 2022**		**230**	**-**	**-**	**230**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**230**	**-**	**-**	**230**	**-**	**100,00**	
1	Cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 4, thôn 3 xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	230			230		-					-	230			230		100,00	Đối ứng CTMTQG XDNTM
b.8	**Nguồn thu tiền sử dụng đất tại xã**		**3.881**	**479**	**-**	**3.402**	**-**	**534**	**351**	**-**	**-**	**183**	**13,77**	**3.881**	**479**	**-**	**3.402**	**-**	**100,00**	
1	Cống bản qua đường đi sản xuất thôn 9, Ia Tơi; Hạng mục: Cống bản và đường dẫn hai đầu cống bản	UBND xã Ia Tơi	6	6				6	6				100,00	6	6				100,00	Điều chuyển vốn hết nhiệm vụ chi sang đối ứng CTMTQG
2	Hệ thống thoát nước công trình điểm dân cư 41 mở rộng	UBND xã Ia Tơi	4	4				4	4				100,00	4	4				100,00	Điều chuyển vốn hết nhiệm vụ chi sang đối ứng CTMTQG
3	Đường giao thông thôn làng nú đi điểm dân cư số 66 thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	96	96				-					-	96	96				100,00	Đối ứng CTMTQG GNBV
4	Đường giao thông thôn đi sản xuất thôn 7, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	32	32				-					-	32	32				100,00	Đối ứng CTMTQG GNBV
5	Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	341	341				341	341		-		100,00	341	341				100,00	Đối ứng CTMTQG XDNTM
6	Trụ sở xã Ia Tơi; Hạng mục: cải tạo khuôn viên sân vườn khu vực nội bộ	UBND xã Ia Tơi	290			290		-					-	290			290		100,00	
7	Đường giao thông nội bộ điểm dân cư 64 thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	712			712		183				183	25,72	712			712		100,00	
8	Đường giao thông nội bộ và các hạng mục khác khu vực làng cá, thôn 7 xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	2.400			2.400		-					-	2.400			2.400		100,00	
b.9	**Chương trình MTQG**		**196.547**	**66.170**	**12.251**	**70.149**	**47.978**	**114.014**	**62.223**	**4.727**	**36.635**	**10.430**	**58,01**	**162.924**	**66.170**	**6.113**	**70.149**	**20.492**	**82,89**	
b.9.1	**Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững**		**107.747**	**47.014**	**4.469**	**40.321**	**15.942**	**69.971**	**43.285**	**3.428**	**14.129**	**9.129**	**64,94**	**105.096**	**47.014**	**3.621**	**40.321**	**14.139**	**97,54**	
1	**Dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo**		**92.671**	**47.014**	**1.304**	**40.321**	**4.032**	**59.539**	**43.285**	**1.279**	**14.129**	**845**	**64,25**	**92.671**	**47.014**	**1.304**	**40.321**	**4.032**	**100,00**	
1.1	*Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo*		*92.671*	*47.014*	*1.304*	*40.321*	*4.032*	*59.539*	*43.285*	*1.279*	*14.129*	*845*	*64,25*	*92.671*	*47.014*	*1.304*	*40.321*	*4.032*	*100,00*	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			
-	Đường GTNT làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	1.280			1.280		1.258			1.258		98,31	1.280			1.280		100,00	
-	Đường vào khu sản xuất số 1 thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	1.920			1.920		596			596		31,05	1.920			1.920		100,00	
-	Đường GTNT thôn 3 (Điểm dân cư số 7 mở rộng)	UBND xã Ia Đal	258			258		258			258		100,00	258			258		100,00	
-	Đường GTNT thôn Ia Der Giai đoạn 1 (*Đường vào đội 12*)	UBND xã Ia Đal	4.320			4.320		4.320			4.320		100,00	4.320			4.320		100,00	
-	Đường giao thông thôn làng nú đi điểm dân cư số 66 thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	4.475			4.475		1.470			1.470		32,85	4.475			4.475		100,00	Điều chỉnh tăng 3.358 triệu đồng
-	Đường giao thông thôn đi sản xuất thôn 7, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	900			900		900			900		100,00	900			900		100,00	
-	Đường giao thông thôn đi bến đò làng Dom thôn 9, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	2.439	2.439				2.388	2.388				97,88	2.439	2.439				100,00	
-	Đầu tư Trường mầm non khu trung tâm hành chính huyện	Ban quản lý ĐT&XD	13.938	5.599		8.339		6.474	5.599		876		46,45	13.938	5.599		8.339		100,00	
-	Đầu tư Trường TH-THCS khu trung tâm hành chính huyện	Ban quản lý ĐT&XD	17.440	10.096		7.344		8.119	7.355		764		46,56	17.440	10.096		7.344		100,00	
-	Nghĩa trang nhân dân huyện	Ban quản lý ĐT&XD	1.367	977		391		309	40		269		22,59	1.367	977		391		100,00	
-	Nhà văn hóa thể thao và sân vận động trung tâm huyện	Ban quản lý ĐT&XD	13.733	8.733		5.000		8.733	8.733		-		63,59	13.733	8.733		5.000		100,00	
-	Cầu suối đá huyện	Ban quản lý ĐT&XD	25.265	19.170		6.095		22.588	19.170		3.418		89,41	25.265	19.170		6.095		100,00	
	Duy tu bảo dưỡng		**5.336**	**-**	**1.304**	**-**	**4.032**	**2.124**	**-**	**1.279**	**-**	**845**	**39,81**	**5.336**	**-**	**1.304**	**-**	**4.032**	**100,00**	
		Xã Ia Dom	1.587		543		1.044	524		524			33,00	1.587		543		1.044	100,00	
		Xã Ia Đal	2.421		761		1.660	1.217		755		462	50,27	2.421		761		1.660	100,00	
		Xã Ia Tơi	1.328				1.328	383				383	28,86	1.328				1.328	100,00	
2	**Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo**		**5.204**	**-**	**1.479**	**-**	**3.725**	**5.052**	**-**	**1.430**	**-**	**3.623**	**97,08**	**5.204**	**-**	**1.479**	**-**	**3.725**	**100,00**	
		Xã Ia Dom	911		324		587	885		316		569	97,14	911		324		587	100,00	
		Xã Ia Đal	3.137		831		2.306	3.065		816		2.249	97,71	3.137		831		2.306	100,00	
		Xã Ia Tơi	1.156		324		832	1.102		298		804	95,33	1.156		324		832	100,00	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			
3	**Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng**		**2.774**	**-**	**627**	**-**	**2.147**	**1.977**	**-**	**615**	**-**	**1.362**	**71,27**	**2.666**	**-**	**627**	**-**	**2.039**	**96,11**	
3,1	*Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp*		*2.237*	*-*	*627*	*-*	*1.610*	*1.942*	*-*	*615*	*-*	*1.327*	*86,81*	*2.237*	*-*	*627*	*-*	*1.610*	*100,00*	
		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	44		13		31	44		13		31	100,00	44		13		31	100,00	
		Xã Ia Dom	383		134		249	129		129			33,59	383		134		249	100,00	
		Xã Ia Đal	1.324		346		978	1.306		342		964	98,61	1.324		346		978	100,00	
		Xã Ia Tơi	486		134		352	464		132		332	95,41	486		134		352	100,00	
3,2	*Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng*		*537*	*-*	*-*	*-*	*537*	*35*	*-*	*-*	*-*	*35*	*6,54*	*429*	*-*	*-*	*-*	*429*	*79,93*	
		Văn phòng HĐND UBND huyện	54				54	-					-	-					-	
		Xã Ia Dom	89				89	15				15	16,80	89				89	100,00	
		Xã Ia Đal	282				282	20				20	7,16	228				228	80,92	
		Xã Ia Tơi	112				112	-					-	112				112	100,00	
4	**Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm**		**2.636**	**-**	**869**	**-**	**1.767**	**21**	**-**	**-**	**-**	**21**	**0,79**	**183**	**-**	**21**	**-**	**162**	**6,92**	
4,1	*Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn*		*1.610*	*-*	*611*	*-*	*999*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*31*	*-*	*-*	*-*	*31*	*1,93*	
	Hoạt động 5: Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp		1.610	-	611	-	999	-	-	-	-	-	-	31	-	-	-	31	**1,93**	
		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	380		380			-					-	-					-	
		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.230		231		999	-					-	31				31	2,52	
4,2	*Tiểu dự án 2: Hỗ trợ người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn đi làm việc theo hợp đồng có thời hạn ở nước ngoài*		*685*	*-*	*187*	*-*	*498*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*4*	*-*	*-*	*-*	*4*	*0,58*	
		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	278		187		91	-					-	4		-		4	1,44	
		Xã Ia Dom	50				50	-					-	-					-	
		Xã Ia Đal	210				210	-					-	-				-	-	
		Xã Ia Tơi	147				147	-					-	-					-	
4,3	*Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững*		*341*	*-*	*71*	*-*	*270*	*21*	*-*	*-*	*-*	*21*	*6,14*	*148*	*-*	*21*	*-*	*127*	*43,26*	
		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	28				28	21				21	74,72	28				28	100,00	
		Xã Ia Dom	35				35	-					-	35				35	100,00	
		Xã Ia Đal	196		50		146	-					-	3		-		3	1,28	
		Xã Ia Tơi	82		21		61	-					-	82		21		61	100,00	
5	**Dự án 5: Hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn các huyện nghèo**		**3.400**	**-**	**-**	**-**	**3.400**	**3.118**	**-**	**-**	**-**	**3.118**	**91,71**	**3.400**	**-**	**-**	**-**	**3.400**	**100,00**	
		Xã Ia Dom	180				180	132				132	73,33	180				180	100,00	
		Xã Ia Đal	2.620				2.620	2.406				2.406	91,83	2.620				2.620	100,00	
		Xã Ia Tơi	600				600	580				580	96,67	600				600	100,00	
6	**Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin**		**424**	**-**	**20**	**-**	**404**	**13**	**-**	**-**	**-**	**13**	**3,06**	**424**	**-**	**20**	**-**	**404**	**100,00**	
6,1	*Tiểu Dự án 1: Giảm nghèo về thông tin*		*278*	*-*	*0*	*-*	*278*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*278*	*-*	*0*	*-*	*278*	*100,00*	
		Phòng Giáo dục và Đào tạo	278		*0*		278	-					-	278		*0*		278	100,00	
6,2	*Tiểu Dự án 2: Truyền thông giảm nghèo*		*146*	*-*	*20*	*-*	*126*	*13*	*-*	*-*	*-*	*13*	*8,89*	*146*	*-*	*20*	*-*	*126*	*100,00*	
		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	52		8		44	-					-	52		8		44	100,00	
		Xã Ia Dom	13				13	13				13	99,85	13				13	100,00	
		Xã Ia Đal	64		12		52	-					-	64		12		52	100,00	
		Xã Ia Tơi	17		0,04		17	-					-	17		0,04		17	100,00	
7	**Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình**		**637**	**-**	**170**	**-**	**467**	**251**	**-**	**104**	**-**	**147**	**39,36**	**548**	**-**	**170**	**-**	**378**	**85,96**	
7,1	*Tiểu Dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình*		*440*	*-*	*135*	*-*	*305*	*195*	*-*	*103*	*-*	*92*	*44,35*	*401*	*-*	*135*	*-*	*266*	*91,03*	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			
		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	94		3		91	-					-	94		3		91	100,00	
		Xã Ia Dom	67		32		35	67		32		35	99,79	67		32		35	100,00	
		Xã Ia Đal	206		71		135	90		71		19	43,69	167		71		96	80,83	
		Xã Ia Tơi	73		29		44	38				38	52,62	73		29		44	100,00	
7,2	*Tiểu Dự án : Giám sát, đánh giá*		*197*	-	*35*	-	*162*	*56*	-	*1*	-	*55*	*28,20*	*147*	-	*35*	-	*112*	*74,63*	
		Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	82		30		52	-					-	32		30		2	39,26	
		Xã Ia Dom	18				18	4				4	22,05	18				18	100,00	
		Xã Ia Đal	71		1		70	31		1		30	43,25	71		1		70	100,00	
		Xã Ia Tơi	26		4		22	21				21	80,77	26		4		22	100,00	
b.9.2	**Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới**		**4.616**	**1.706**	**640**	**1.013**	**1.257**	**2.873**	**1.706**	**121**	**876**	**170**	**62,24**	**4.426**	**1.706**	**482**	**1.013**	**1.225**	**95,88**	
1	**Vốn đầu phát triển**		**2.719**	**1.706**	**-**	**1.013**	**-**	**2.582**	**1.706**	**-**	**876**	**-**	**94,96**	**2.719**	**1.706**	**-**	**1.013**	**-**	**100,00**	
-	Đường vào khu sản xuất N3, thôn 1, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	876			876		876			876		100,00	876			876		100,00	
-	Đường vào khu sản xuất số 2, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	87			87		-			-		-	87			87		100,00	
-	Công trình:Đường giao thông thôn đi nghĩa trang nhân dân thôn 9, xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	1.706	1.706				1.706	1.706				100,00	1.706	1.706				100,00	
-	Đường vào khu sản xuất số 3, thôn Ia Muung, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	50			50		-					-	50			50		100,00	
2	**Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)**		**632**	**-**	**300**	**-**	**332**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**600**	**-**	**300**	**-**	**300**	**94,94**	
		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	600		300		300	-					-	600		300		300	100,00	
		Xã Ia Dom	10				10							-					-	
		Xã Ia Đal	12				12							-					-	
		Xã Ia Tơi	10				10							-					-	
3	**Nâng cao hiệu quả các hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất**		**130**	**-**	**100**	**-**	**30**	**104**	**-**	**74**	**-**	**30**	**79,77**	**130**	**-**	**100**	**-**	**30**	**100,00**	
		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	100		100			74		74			73,70	100		100			100,00	
		Phòng Tài chính -Kế hoạch	30				30	30				30	100,00	30				30	100,00	
4	**Nâng cao chất lượng môi trường, xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn**		**158**	**-**	**158**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	
		Phòng Kinh tế - Hạ tầng	158		158			-					-	-					-	
5	**Truyền thông về xây dựng nông thôn mới**		**0**	**-**	**0**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**0**	**-**	**0**	**-**	**-**	**100,00**	
		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0,236		0,236			-					-	0,236		0,236			100,00	
6	**Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn**		**500**	**-**	**-**	**-**	**500**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**500**	**-**	**-**	**-**	**500**	**100,00**	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			
		Xã Ia Tơi	500				500	-					-	500				500	100,00	
7	**Thực hiện chương trình chuyển đổi số trong XD NTM**		**100**	**-**	**-**	**-**	**100**	**64**	**-**	**-**	**-**	**64**	**63,56**	**100**	**-**	**-**	**-**	**100**	**100,00**	
		Xã Ia Dom	30				30	24				24	78,52	30				30	100,00	
		Xã Ia Đal	40				40	40				40	100,00	40				40	100,00	
		Xã Ia Tơi	30				30	-					-	30				30	100,00	
8	**Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào "Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới"**		**10**	**-**	**-**	**-**	**10**	**10**	**-**	**-**	**-**	**10**	**99,98**	**10**	**-**	**-**	**-**	**10**	**100,00**	
		Xã Ia Đal	10				10	10				10	99,98	10				10	100,00	
9	**Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toan thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM**		**100**	**-**	**-**	**-**	**100**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**100**	**-**	**-**	**-**	**100**	**100,00**	
		Xã Ia Đal	100				100	-					-	100				100	100,00	
10	**Thực hiện nâng cao chất lượng hiệu quả thực hiện CT an ninh trật tự trong XD NTM**		**15**	**-**	**-**	**-**	**15**	**10**	**-**	**-**	**-**	**10**	**66,67**	**15**	**-**	**-**	**-**	**15**	**100,00**	
		Xã Ia Dom	5				5	5				5	100,00	5				5	100,00	
		Xã Ia Đal	5				5	-					-	5				5	100,00	
		Xã Ia Tơi	5				5	5				5	100,00	5				5	100,00	
11	**Kinh phí hoạt động của cơ quan chỉ đạo chương trình các cấp**		**128**	**-**	**38**	**-**	**90**	**92**	**-**	**46**	**-**	**46**	**72,06**	**128**	**-**	**38**	**-**	**90**	**100,00**	
		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	60		30		30	38		38			64,15	60		30		30	100,00	
		Xã Ia Dom	20		-		20	20				20	100,00	20		-		20	100,00	
		Xã Ia Đal	20		0		20	6				6	29,97	20		0		20	100,00	
		Xã Ia Tơi	28		8		20	28		8		20	99,48	28		8		20	100,00	
12	**Hoạt động khác của địa phương**		**124**	**-**	**44**	**-**	**80**	**12**	**-**	**1**	**-**	**11**	**9,44**	**124**	**-**	**44**	**-**	**80**	**100,00**	
		Xã Ia Dom	20		-		20	-					-	20		-		20	100,00	
		Xã Ia Đal	83		43		40	-					-	83		43		40	100,00	
		Xã Ia Tơi	21		1		20	12		1		11	56,47	21		1		20	100,00	
b.9.3	**Chương trình MTQG phát triển KT XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi**		**84.185**	**17.449**	**7.142**	**28.815**	**30.779**	**41.171**	**17.232**	**1.179**	**21.629**	**1.131**	**48,91**	**53.403**	**17.449**	**2.010**	**28.815**	**5.128**	**63,43**	
1	**Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt**		**7.498**	**2.294**	**581**	**4.044**	**579**	**6.338**	**2.268**	**-**	**3.544**	**526**	**84,53**	**6.940**	**2.294**	**23**	**4.044**	**579**	**92,56**	
-	Hỗ trợ nhà ở: Xã Ia Dom		40			40		-					-	40			40		100,00	
-	Hỗ trợ nhà ở: Xã Ia Đal		280			280		-					-	280			280		100,00	
-	Hỗ trợ nhà ở: Xã Ia Tơi		160			160		-					-	160			160		100,00	
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại điểm dân cư số 6 thôn 3	UBND xã Ia Đal	658			658		658			658		100,00	658			658		100,00	
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 6	UBND xã Ia Đal	566			566		566			566		100,00	566			566		100,00	
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 4	UBND xã Ia Đal	1.108			1.108		1.108			1.108		100,00	1.108			1.108		100,00	
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung tại thôn 1	UBND xã Ia Đal	550			550		550			550		100,00	550			550		100,00	
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 7 xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	1.685	1.003		682		1.665	1.003		662		98,84	1.685	1.003		682		100,00	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Trong đó: Kế hoạch giao trong năm 2023		Tổng số	Trong đó: Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Trong đó: Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Trong đó: Kế hoạch giao trong năm 2023			
-	Công trình cấp nước sinh hoạt tại điểm dân cư thôn 8 xã Ia Tơi	UBND xã Ia Tơi	1.291	1.291				1.265	1.265				97,95	1.291	1.291				100,00	
-	Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán		602	-	23	-	579	526	-	-	-	526	87,44	602	-	23	-	579	100,00	
		Xã Ia Dom	165				165	149				149	90,01	165				165	100,00	
		Xã Ia Đal	270				270	238				238	88,23	270				270	100,00	
		Xã Ia Tơi	167		23		144	139				139	83,61	167		23		144	100,00	
-	Hỗ trợ chuyển đổi nghề		558	-	558	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
		Xã Ia Dom	60		60		-	-				-	-	-				-	-	
		Xã Ia Đal	249		249		-	-				-	-	-				-	-	
		Xã Ia Tơi	249		249		-	-				-	-	-				-	-	
2	**Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết**		**14.637**	**9.031**	**-**	**5.606**	**-**	**10.178**	**9.031**	**-**	**1.147**	**-**	**69,54**	**14.637**	**9.031**	**-**	**5.606**	**-**	**100,00**	
-	Dự án sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư tập trung điểm dân cư số 66 tại thôn Ia Dơr, xã Ia Tơi, huyện Ia H'Drai	Ban QLĐT&XD	14.637	9.031		5.606		10.178	9.031		1.147		69,54	14.637	9.031		5.606		100,00	
3	**Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị**	**-**	**29.657**	**-**	**5.618**	**-**	**24.039**	**964**	**-**	**920**	**-**	**44**	**3,25**	**4.177**	**-**	**1.499**	**-**	**2.678**	**14,08**	
3.1	*Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân*		*26.428*	*-*	*4.667*	*-*	*21.761*	*44*	*-*	*-*	*-*	*44*	*0,17*	*948*	*-*	*548*	*-*	*400*	*3,59*	
		UBND xã Ia Đal	14.624		2.417		12.207	44				44	0,30	492		92		400	3,37	
		UBND xã Ia Tơi	11.804		2.250		9.554	-					-	456		456		-	3,86	
3.2	*Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*		*3.229*	*-*	*951*	*-*	*2.278*	*920*	*-*	*920*	*-*	*-*	*28,48*	*3.229*	*-*	*951*	*-*	*2.278*	*100,00*	
		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	500				500	-					-	500				500	100,00	
		UBND xã Ia Dom	684		317		367	311		311			45,52	684		317		367	100,00	
		UBND xã Ia Đal	1.019		316		703	311		311			30,54	1.019		316		703	100,00	
		UBND xã Ia Tơi	1.026		318		708	297		297			28,95	1.026		318		708	100,00	
4	**Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc**		**17.729**	**3.377**	**244**	**13.221**	**887**	**16.473**	**3.377**	**243**	**12.539**	**315**	**92,92**	**17.729**	**3.377**	**244**	**13.221**	**887**	**100,00**	
-	Xây dựng nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng thôn 4, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	100			100		-					-	100			100		100,00	
-	Đường GTNT Làng thanh niên thôn 3, xã Ia Dom (*Giai đoạn 2*)	UBND xã Ia Dom	116			116		-					-	116			116		100,00	
-	Đường ngõ xóm khu vực NT1-2, thôn 3, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	100			100		-					-	100			100		100,00	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			
-	Đường ngõ xóm khu vực NT1-1, thôn 3, xã Ia Dom	UBND xã Ia Dom	192			192		-					-	192			192		100,00	
-	Đường GTNT thôn Chư Hem (*Đường vào Dốc Đó*)	UBND xã Ia Đal	200			200		200			200		100,00	200			200		100,00	
-	Đường nội thôn điểm dân cư số 6, thôn 3	UBND xã Ia Đal	461			461		461			461		100,00	461			461		100,00	
-	Đường GTNT từ thôn 7 đi thôn Ia Der	UBND xã Ia Đal	174			174		-					-	174			174		100,00	
-	Đường giao thông đi nghĩa trang thôn 7	UBND xã Ia Tơi	440			440		440			440		100,00	440			440		100,00	
-	Đường giao thông thôn đi sản xuất 9 xã Ia Tơi (*đoạn đấu nối Tl 675A đi sản xuất*)	UBND xã Ia Tơi	400			400		400			400		100,00	400			400		100,00	
-	Nâng cấp tuyến đường liên xã Ia Đal đi xã Ia Dom *(Đoạn 1: Từ thôn 3 đi thôn Ia Muung, qua xã Ia Dom, dài khoảng 07 Km và Đoạn 2: Từ thôn Chư Hem đi thôn 6 qua xã Ia Đal, dài khoảng 06 Km)*	Ban QLĐT&XD	11.621	3.377		8.244		11.621	3.377		8.244		100,00	11.621	3.377		8.244		100,00	
-	Chợ trung tâm xã Ia Đal	Ban QLĐT&XD	2.794			2.794		2.794			2.794		100,00	2.794			2.794		100,00	
-	Duy tu bảo dưỡng		1.131	-	244	-	887	557	-	243	-	315	49,27	1.131	-	244	-	887	100,00	
		UBND xã Ia Dom	331		122		209	331		122		209	99,97	331		122		209	100,00	
		UBND xã Ia Đal	460		122		338	125		121		4	27,17	460		122		338	100,00	
		UBND xã Ia Tơi	340				340	101				101	29,82	340				340	100,00	
5	**Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực**		**12.917**	**2.556**	**528**	**5.569**	**4.264**	**6.855**	**2.556**	**14**	**4.281**	**4**	**53,07**	**8.456**	**2.556**	**74**	**5.569**	**257**	**65,46**	
5.1	*Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số*		*8.165*	*2.556*	*5*	*5.569*	*35*	*6.837*	*2.556*	*-*	*4.281*	*-*	*83,74*	*8.165*	*2.556*	*5*	*5.569*	*35*	*100,00*	
-	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Nguyễn Tất Thành	Ban QLĐT&XD	4.452	1.164		3.288		3.164	1.164		2.000		71,07	4.452	1.164		3.288		100,00	
-	Trường Tiểu học - Trung học cơ sở Hùng Vương	Ban QLĐT&XD	3.673	1.392		2.281		3.673	1.392		2.281		100,00	3.673	1.392		2.281		100,00	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Trong đó: Kế hoạch giao trong năm 2023		Tổng số	Trong đó: Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Trong đó: Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm			Tổng số	Trong đó: Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Trong đó: Kế hoạch giao trong năm 2023			
-	Xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào DTTS		40	-	5	-	35	-	-	-	-	-	-	40	-	5	-	35	100,00	
		Phòng Giáo dục và đào tạo	35				35	-					-	35				35	100,00	
		UBND xã Ia Đal	5		5			-					-	5		5			100,00	
		UBND xã Ia Tơi	0,0074		0,0074			-					-	0,0074		0,0074			100,00	
5.2	*Tiểu dự án 2: Bồi dưỡng kiến thức dân tộc; đào tạo dự bị đại học, đại học và sau đại học đáp ứng nhu cầu nhân lực cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.*		*55*	-	*55*	-	-	-	-	-	-	-	-	*55*	-	*55*	-	-	*100,00*	
		Phòng Giáo dục và đào tạo	55		55			-					-	55		55			100,00	
5.3	*Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi.*		*4.551*	-	*454*	-	*4.097*	-	-	-	-	-	-	*90*	-	-	-	*90*	*1,98*	
		Phòng Lao động thương binh và xã hội	300				300	-					-	90				90	30,00	
		Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4.251		454		3.797	-					-	-					-	
5.4	*Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp*		*146*	-	*14*	-	*132*	*18*	-	*14*	-	*4*	*12,37*	*146*	-	*14*	-	*132*	*100,00*	
		Văn phòng HĐND UBND huyện	146		14		132	18		14		4	12,37	146		14		132	100,00	
6	**Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch**		**244**	**3**	**1**	**118**	**122**	**240**	**-**	**-**	**118**	**122**	**98,17**	**244**	**3**	**1**	**118**	**122**	**100,00**	
-	Xây dựng nhà văn hóa, công trình phụ trợ khác, sân thể thao thôn 4 Ia Đal	UBND xã Ia Đal	118			118		118			118		100,00	118			118		100,00	
-	Hỗ trợ đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao tại các thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (*xây dựng mới và cải tạo nhà văn hóa, khu thể thao*)	UBND xã Ia Đal	3	3				-					-	3	3				100,00	
-	Nội dung số 09: Hỗ trợ hoạt động cho đội văn nghệ truyền thống tại các thôn vùng đồng bào DTTS&MN		123	-	1	-	122	122	-	-	-	122	98,98	123	-	1	-	122	100,00	
		Phòng Giáo dục và đào tạo	123		1		122	122				122	98,98	123		1		122	100,00	
7	**Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em**		**488**	**-**	**139**	**-**	**349**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**205**	**-**	**139**	**-**	**66**	**41,94**	
		Hội liên hiệp phụ nữ	488		139		349	-					-	205		139		66	41,94	
8	**Dự án 9: Đầu tư phát triển nhóm dân tộc thiểu số rất ít người và nhóm dân tộc còn nhiều khó khăn**		**190**	**-**	**3**	**-**	**187**	**101**	**-**	**-**	**-**	**101**	**53,36**	**190**	**-**	**3**	**-**	**187**	**100,00**	
8.1	*Tiểu Dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*		*190*	-	*3*	-	*187*	*101*	-	-	-	*101*	*53,36*	*190*	-	*3*	-	*187*	*100,00*	
		UBND xã Ia Dom	32		-		32	32				32	99,98	32		-		32	100,00	
		UBND xã Ia Đal	39		3		36	34				34	88,13	39		3		36	100,00	
		UBND xã Ia Tơi	35		0,0328		35	35				35	99,91	35		0,0328		35	100,00	
		Văn phòng HĐND UBND huyện	84		0		84	-					-	84		0		84	100,00	

STT	Nội dung	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023					Thanh toán kế hoạch vốn đầu tư (đến hết ngày 20/11/2023)					Tỷ lệ % (Số vốn giải ngân / Kế hoạch vốn năm 2023)	Kế hoạch vốn đầu tư năm 2023 (Có thể thực hiện giải ngân trong năm 2023)					Tỷ lệ có thể giải ngân so với kế hoạch vốn đã giao	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó				Tổng số	Trong đó					Tổng số	Trong đó					
				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			Thanh toán vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Thanh toán kế hoạch vốn giao trong năm				Kế hoạch vốn kéo dài năm trước chuyển sang		Kế hoạch giao trong năm 2023			
9	**Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình**		**825**	**188**	**28**	**257**	**352**	**21**	**-**	**3**	**-**	**18**	**2,56**	**825**	**188**	**28**	**257**	**352**	**100,00**	
9.1	*Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án Tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia*		*281*	*-*	*4*	*-*	*277*	*10*	*-*	*-*	*-*	*10*	*3,66*	*281*	*-*	*4*	*-*	*277*	*100,00*	
		UBND xã Ia Dom	44		-		44	-					-	44		-		44	100,00	
		UBND xã Ia Đal	84		3		81	-					-	84		3		81	100,00	
		UBND xã Ia Tơi	42		0		42	10				10	24,50	42		0		42	100,00	
		Phòng Tư Pháp	10		-		10	-					-	10		-		10	100,00	
		Văn phòng HĐND UBND huyện	101		1		100	-					-	101		1		100	100,00	
9.2	*Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*		*480*	*188*	*11*	*257*	*24*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*-*	*480*	*188*	*11*	*257*	*24*	*100,00*	
	Hỗ trợ thiết lập điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự	Phòng GD&ĐT	445	188		257		-			-		-	445	188		257		100,00	
		Phòng GD&ĐT	35		11		24	-					-	35		11		24	100,00	
9.3	*Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình*		*63*	*-*	*12*	*-*	*51*	*11*	*-*	*3*	*-*	*8*	*17,02*	*63*	*-*	*12*	*-*	*51*	*100,00*	
		UBND xã Ia Dom	3		-		3	-					-	3		-		3	100,00	
		UBND xã Ia Đal	13		3		10	11		3		8	83,08	13		3		10	100,00	
		UBND xã Ia Tơi	10		0		10	-					-	10		0		10	100,00	
		Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện	8				8	-					-	8				8	100,00	
		Văn phòng HĐND UBND huyện	29		9		20	-					-	29		9		20	100,00	